

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ SÊ
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01 /2019/KDTM-ST
Ngày: 30- 7- 2019
“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ SÊ - TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Dậu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Giang
2. Bà Phạm Thị Hoa.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Hương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Đậu Thị Thanh Xuân, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2019, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 04/2019/TLST - KDTM ngày 25 tháng 02 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST – KDTM ngày 10 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cô phần V; Địa chỉ: XX H, quận Đ, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành T – Phó Giám đốc pháp chế và Kiểm soát tuân thủ -kiêm Phó Tổng giám đốc (theo văn bản ủy quyền số 11/2018/UQ-HDQT ngày 02/03/2018)

Ông Đỗ Thành T có văn bản ủy quyền lại cho ông Nguyễn Văn T – Cán bộ xử lý nợ; Địa chỉ: Tầng X, tòa nhà A, số XX T, Phường X, quận X, TP. Hồ Chí Minh, theo văn bản ủy quyền số: 27773/2018/AMC-PN ngày 24/10/2018. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên P.

Đăng ký kinh doanh số: 5900752361 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 22/12/2010; Địa chỉ: Thôn G, xã K, huyện S, tỉnh Gia Lai.

Đại diện theo Pháp luật: Ông Nguyễn Văn T - Chủ tịch kiêm giám đốc công ty; Địa chỉ: Thôn G, xã K, huyện S, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn T; Địa chỉ: Thôn G, xã K, huyện S, tỉnh Gia Lai . Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/10/2018, bản tự khai và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần V trình bày:

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (TNHH MTV) P vay vốn tại Ngân hàng TMCP V theo:

Hợp đồng tín dụng số SME/GLI/16/0023/HDTD ngày 22/03/2016, số tiền vay 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*), thời hạn vay 36 tháng, lãi suất tại thời điểm giải ngân đầu tiên là 23%/năm, được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần, ngày giải ngân 22/03/2016, ngày đến hạn 22/03/2019, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh, bổ sung vốn để mở rộng, phát triển kinh doanh (có Khế ước nhận nợ lần 01/số SME/GLI/16/0023/HDTDNT ngày 22/03/2016) đồng thời có Hợp đồng cấp tín dụng nguyên tắc số SME/GLI/16/0023/HDTDNT ngày 22/03/2016.

Hợp đồng tín dụng số SME/GLI/16/0012/HDTD ngày 23/02/2016, số tiền vay 294.000.000đ (*Hai trăm chín mươi tư triệu đồng*), thời hạn vay 48 tháng, lãi suất trong hạn là 12,35%/năm, điều chỉnh định kỳ 03 tháng/ lần, ngày giải ngân 24/02/2016, ngày đến hạn 24/02/2020, mục đích vay thanh toán tiền mua xe ô tô nhãn hiệu FOR RANGER XL, số khung MNCLSFE10BW962807, số máy WLAT-1307764 (có Khế ước nhận nợ Lần 01/số: SME/GLI/16/0012/HDTD ngày 24/02/2016).

Hợp đồng tín dụng số SME/GLI/16/0029/HDTD ngày 01/04/2016, số tiền vay 934.500.000đ (*Chín trăm ba mươi bốn triệu năm trăm ngàn đồng*), thời hạn vay 60 tháng, lãi suất cho vay trong hạn là 12,4%/năm được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần, ngày giải ngân 02/04/2016, ngày đến hạn 01/04/2021, mục đích vay thanh toán tiền mua xe đầu kéo Chenglong LZ4251M7 mới 100% và 01 chiếc somi romooc CIMC ZJV9405CLXDY 3 trục khung, khung mui, dài 12,4m mới 100% theo hợp đồng mua bán xe ô tô số 16032016 ngày 16/03/2016 (có Khế ước nhận nợ Lần 01/số SME/GLI/16/0029/HDTD ngày 01/04/2016).

Tổng số tiền Công ty TNHH MTV P vay là 1.428.500.000 đồng (*Một tỷ, bốn trăm hai mươi tám triệu, năm trăm nghìn đồng*).

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay trên gồm: 01 xe ô tô hiệu FORD, số loại RANGER, số khung FE10BW962807, số máy WLAT-1307764, biển số 81C-094.84 do Phòng CSGT Công an tỉnh Gia Lai cấp ngày 22/02/2016; 01 xe đầu kéo nhãn hiệu CHENGLONG, số loại LZ4251M7, số khung DY38PL216360, số máy 3MB2L1F00217, biển số 81C-096.92 và 01 xe sơ mi rơ móc, nhãn hiệu CIMC, số khung 3380FN032437, biển số 81R-006.18 do Phòng CSGT Công an tỉnh Gia Lai cấp ngày 29/03/2016.

Ngoài các tài sản bảo đảm nêu trên, các bên đã thống nhất áp dụng biện pháp bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang bằng toàn bộ tài sản cá nhân của ông Nguyễn Văn T theo Hợp đồng bảo lãnh số SME/GLI/16/0029/HDTD ngày 01/04/2016 và Hợp đồng bảo lãnh số 23022016/HĐBL ngày 23/02/2016.

Theo khoản 6, khoản 7 điều 1 khế ước nhận nợ lần 01/số: SMEGLI/16/0023/HDTD ngày 22/03/2016, được ký giữa V và Công ty TNHH MTV P thì Công ty TNHH MTV P có nghĩa vụ thanh toán gốc và lãi vào ngày 22 hàng tháng, ngày trả gốc và lãi đầu tiên là ngày 22/04/2016. Tuy nhiên, đến ngày

22/04/2016 Công ty TNHH MTV P đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán gốc và lãi theo kế ước nhận nợ nêu trên.

Việc Công ty TNHH MTV P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đã vi phạm điều 7 của hợp đồng tín dụng số: SME/GLI/16/0023/HDTD được ký giữa VPBank và Công ty TNHH MTV Tuyên Phát vào ngày 22/03/2016. Vì vậy, kể từ ngày 22/04/2016 các khoản vay của Công ty TNHH MTV P tại V bị chuyển sang nợ quá hạn.

Quá trình xử lý nợ, Công ty TNHH MTV P có thiện chí hợp tác với V để thanh toán khoản nợ nêu trên. Ngày 24/10/2017, Công ty TNHH MTV P đã bàn giao 01 xe ô tô hiệu FOR RANGER XL, số khung FE10BW962807, số máy WLAT-1307764, biển số 81C-094.84 do phòng CSGT Công an tỉnh Gia Lai cấp ngày 22/02/2016; 01 xe đầu kéo nhãn hiệu CHENGLONG, số loại LZ4251M7, số khung DY38PL216360, số máy 3MB2L1F00217, biển số 81R-006.18 do Phòng CSGT Công an tỉnh Gia Lai cấp ngày 29/03/2016 để bán đấu giá thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Toàn bộ tài sản trên được bán đấu giá thành với số tiền thu được sau khi đã trừ các chi phí là 1.104.271.000 đ (*Một tỷ một trăm lẻ bốn triệu hai trăm bảy mươi một ngàn đồng*). V đã thu vào nợ gốc, cụ thể: Kế ước nhận nợ lần 01/số SME/GLI/16/0012/HDTD ngày 24/02/2016, số tiền gốc đã trả 294.000.000đ (*Hai trăm chín mươi tư triệu đồng*) (Bao gồm 287.875.000 đ (hai trăm tám mươi bảy triệu tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) từ tiền bán đấu giá và 6.125.000đ (*Sáu triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng*) đã đóng vào ngày 22/03/2016), lãi 3.547.026đ (*Ba triệu năm trăm bốn mươi bảy ngàn không trăm hai mươi sáu đồng*); Kế ước nhận nợ lần 01/số SME/GLI/16/0029/HDTD ngày 01/04/2016, số tiền gốc đã trả 816.396.000đ (*Tám trăm mười sáu triệu ba trăm chín mươi sáu ngàn đồng*); Kế ước nhận nợ lần 01/số SME/GLI/16/0023/HDTD ngày 22/03/2016, Số tiền đã trả gốc 0 đồng, lãi 0. đồng. Tổng tiền nợ đã trả là 1.113.943.026 đ (*Một tỷ một trăm mười ba triệu chín trăm bốn mươi ba ngàn không trăm hai mươi sáu đồng*).

Từ sau khi xử lý xong tài sản cho đến nay, Công ty TNHH MTV P không tiếp tục thanh toán nợ cho V. Sau khi trừ số tiền thu được từ bán đấu giá tài sản và một số kỳ trả nợ trước đó của Công ty TNHH MTV P thì hiện nay tổng số tiền nợ còn lại của Công ty TNHH MTV P tại V tạm tính đến ngày xét xử 30/7/2019 gồm các khoản sau:

Hợp đồng tín dụng số SME/GLI/16/0023/HDTD ngày 22/03/2016: Nợ gốc là 200.000.000 đ (*Hai trăm triệu đồng*), nợ lãi tạm tính đến ngày xét xử là: 227.785.278đ (*Hai trăm hai mươi bảy triệu bảy trăm tám mươi lăm ngàn hai trăm bảy mươi tám đồng*).

Hợp đồng tín dụng số SME/GLI/16/0029/HDTD ngày 01/04/2016: Nợ gốc là 118.104.000đ (*Một trăm mười tám triệu một trăm lẻ bốn ngàn đồng*), nợ lãi tạm tính đến ngày xét xử là: 358.119.826 (*Ba trăm năm mươi tám triệu một trăm mười chín ngàn tám trăm hai mươi sáu đồng*)

Hợp đồng tín dụng số SME/GLI/16/0012/HDTD ngày 23/02/2016: Nợ gốc: 0 đ, nợ lãi 95.676.363đ (*Chín mươi lăm triệu sáu trăm bảy mươi sáu ngàn*

ba trăm ba mươi sáu đồng).

Tổng nợ gốc là 318.104.000 đ (*Ba trăm mười tám triệu một trăm lẻ bốn ngàn đồng*), nợ lãi là 681.581.467đ (*Sáu trăm tám mươi một triệu năm trăm tám mươi một ngàn bốn trăm sáu mươi bảy đồng*). Tổng cộng là: 999.685.467đ (*Chín trăm chín mươi chín triệu sáu trăm tám mươi lăm ngàn bốn trăm sáu mươi bảy đồng*).

V yêu cầu Công ty TNHH MTV P phải trả toàn bộ số tiền còn nợ nêu trên.

Trong trường hợp Công ty TNHH MTV P không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì V yêu cầu ông Nguyễn Văn T phải thanh toán các khoản nợ của Công ty TNHH MTV P tại V, theo Hợp đồng bảo lãnh số SME/GLI/16/0029/HDTD ngày 01/04/2016 và Hợp đồng bảo lãnh số 23022016/HĐBL ngày 23/02/2016 được ký giữa ông Nguyễn Văn Tuyên và V.

Bị đơn Công ty TNHH MTV P có Đại diện theo Pháp luật là ông Nguyễn Văn T - Chủ tịch kiêm giám đốc công ty đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Nguyễn Văn T đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn T tiếp tục vắng mặt, không có bản tự khai, không trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì liên quan đến yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát huyện Chư Sê:

Về việc tuân theo pháp luật của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng : Đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành của các đương sự: Nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật; Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt họ.

Về phần nội dung: Căn cứ các Điều 30, 35, 39, 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 280, 322, 466, 470 Bộ luật Dân sự và Luật các tổ chức tín dụng: Buộc Công ty TNHH MTV P có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V tổng số tiền là 999.685.467đ (*Chín trăm chín mươi chín triệu sáu trăm tám mươi lăm ngàn bốn trăm sáu mươi bảy đồng*). Trong đó, nợ gốc là 318.104.000 đ (*Ba trăm mười tám triệu một trăm lẻ bốn ngàn đồng*), nợ lãi là 681.581.467đ (*Sáu trăm tám mươi một triệu năm trăm tám mươi một ngàn bốn trăm sáu mươi bảy đồng*). Trong trường hợp Công ty TNHH MTV P không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ thì buộc ông Nguyễn Văn T phải thanh toán các khoản nợ của Công ty TNHH MTV P tại V, theo Hợp đồng bảo lãnh số SME/GLI/16/0029/HDTD ngày 01/04/2016 và Hợp đồng bảo lãnh số 23022016/HĐBL ngày 23/02/2016 được ký giữa ông Nguyễn Văn T và V. Buộc Công ty TNHH MTV P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng thương mại cổ phần V đã nộp đơn khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng vay tín dụng” đối với bị đơn là Công ty TNHH MTV P, có trụ sở tại Thôn G, xã K, huyện S, tỉnh Gia Lai; theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai. Đại diện theo pháp luật của bị đơn đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ theo điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu đòi nợ gốc và lãi của nguyên đơn thì thấy rằng :

Công ty TNHH MTV P đã ký kết với Ngân hàng V các hợp đồng tín dụng sau: Hợp đồng tín dụng số SME/GLI/16/0012/HDTD ngày 23/02/2016, vay số tiền 294.000.000đ (*Hai trăm chín mươi bốn triệu đồng*) (có Khế ước nhận nợ lần 01/số: SME/GLI/16/0012/HDTD ngày 24/02/2016), Hợp đồng tín dụng số SME/GLI/16/0023/HDTD ngày 22/03/2016, vay số tiền 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*)(có Khế ước nhận nợ lần 01/số SME/GLI/16/0023/HDTDNT ngày 22/03/2016, đồng thời có Hợp đồng cấp tín dụng nguyên tắc số SME/GLI/16/0023/HDTDNT ngày 22/03/2016) và Hợp đồng tín dụng số SME/GLI/16/0029/HDTD ngày 01/04/2016, số tiền vay 934.500.000đ (*Chín trăm ba mươi bốn triệu năm trăm ngàn đồng*) (có Khế ước nhận nợ lần 01/số SME/GLI/16/0029/HDTD ngày 01/04/2016). Thời hạn vay, lãi suất và mục đích vay như nguyên đơn trình bày. Tổng số tiền của 03 hợp đồng tín dụng trên là 1.428.500.000 đ (*Một tỷ, bốn trăm hai mươi tám triệu, năm trăm nghìn đồng*). Xét thấy, các Hợp đồng trên được ký kết đúng theo quy định của Pháp luật, do đó cần theo sự thỏa thuận giữa các bên trong các hợp đồng trên.

Theo thỏa thuận trong các khế ước nhận nợ thì đối với khoản vay 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*), bị đơn phải trả nợ gốc và lãi theo định kỳ 01 tháng / lần vào ngày 22, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 22/4/2016, số tiền nợ gốc bên vay phải trả là 5.500.000đ (*Năm triệu năm trăm ngàn đồng*), riêng kỳ cuối cùng trả dứt nợ vay; Đối với khoản vay 294.000.000đ (*Hai trăm chín mươi bốn triệu đồng*), bị đơn phải trả nợ gốc và lãi theo định kỳ 01 tháng / lần vào ngày 20, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 20/3/2016, số tiền nợ gốc bên vay phải trả là 6.125.000đ (*Sáu triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng*), riêng kỳ cuối cùng trả dứt nợ vay; Đối với khoản vay 934.500.000đ (*Chín trăm ba mươi bốn triệu năm trăm ngàn đồng*), bị đơn phải trả nợ gốc và lãi theo định kỳ 01 tháng / lần vào ngày 15, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 15/5/2016, số tiền nợ gốc bên vay phải trả là 15.575.000đ (*Mười lăm triệu năm trăm bảy mươi lăm ngàn đồng*), riêng kỳ cuối cùng trả dứt nợ vay (mục 6, 7 Điều 1). Đến thời hạn trả nợ, bị đơn đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi đã thỏa thuận trong các khế ước nhận nợ trên.

Sau đó, Ngân hàng và Công ty TNHH MTV P đã thỏa thuận xử lý các tài sản thế chấp để thanh toán nợ. Ngày 24/10/2017, Công ty TNHH MTV P đã bàn giao các tài sản thế chấp để bán đấu giá thu hồi nợ cho Ngân hàng. Cụ thể: Khế ước nhận nợ lần 01/số SME/GLI/16/0012/HDTD ngày 24/02/2016, số tiền gốc

đã trả 294.000.000đ (*Hai trăm chín mươi tư triệu đồng*) (Bao gồm 287.875.000 đ (hai trăm tám mươi bảy triệu tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) từ tiền bán đấu giá và 6.125.000đ (*Sáu triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng*) bị đơn đã đóng vào ngày 22/03/2016), tiền lãi 3.547.026đ (*Ba triệu năm trăm bốn mươi bảy ngàn không trăm hai mươi sáu đồng*); Khế ước nhận nợ lần 01/số SME/GLI/16/0029/HDTD ngày 01/04/2016, số tiền gốc đã trả 816.396.000đ (*Tám trăm mười sáu triệu ba trăm chín mươi sáu ngàn đồng*); Khế ước nhận nợ lần 01/số SME/GLI/16/0023/HDTDNT ngày 22/03/2016, số tiền đã trả gốc 0 đồng, lãi 0. đồng. Tổng tiền nợ bị đơn đã trả là 1.113.943.026đ (*Một tỷ một trăm mười ba triệu chín trăm bốn mươi ba ngàn không trăm hai mươi sáu đồng*).

Từ sau khi xử lý xong tài sản cho đến nay, Công ty TNHH MTV P không tiếp tục thanh toán nợ cho V là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 466, khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên là có căn cứ. Cần buộc Công ty TNHH MTV P phải trả cho V các khoản nợ sau:

Hợp đồng tín dụng số SME/GLI/16/0023/HDTDNT ngày 22/03/2016: Nợ gốc là 200.000. 000 đ (*Hai trăm triệu đồng*), nợ lãi tạm tính đến ngày xét xử là: 227.785.278đ (*Hai trăm hai mươi bảy triệu bảy trăm tám mươi lăm ngàn hai trăm bảy mươi tám đồng*).

Hợp đồng tín dụng số SME/GLI/16/0029/HDTD ngày 01/04/2016: Nợ gốc là 118.104.000đ (*Một trăm mười tám triệu một trăm lẻ bốn ngàn đồng*), nợ lãi tạm tính đến ngày xét xử là: 358.119.826 (*Ba trăm năm mươi tám triệu một trăm mười chín ngàn tám trăm hai mươi sáu đồng*)

Hợp đồng tín dụng số SME/GLI/16/0012/HDTD ngày 23/02/2016 : Nợ gốc: 0 đ, nợ lãi 95.676.363đ (*Chín mươi lăm triệu sáu trăm bảy mươi sáu ngàn ba trăm ba mươi sáu đồng*).

Tổng nợ gốc là 318.104.000 đ (*Ba trăm mười tám triệu một trăm lẻ bốn ngàn đồng*), nợ lãi: 681.581.467đ (*Sáu trăm tám mươi một triệu năm trăm tám mươi một ngàn bốn trăm tám mươi sáu mươi bảy đồng*). Tổng cộng là: 999.685.467đ (*Chín trăm chín mươi chín triệu sáu trăm tám mươi lăm ngàn bốn trăm sáu mươi bảy đồng*).

[3]. Xét yêu cầu của nguyên đơn về buộc ông Nguyễn Văn T thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo Hợp đồng bảo lãnh số SME/GLI/16/0029/HDTD ngày 01/04/2016 và Hợp đồng bảo lãnh số 23022016/HĐBL ngày 23/02/2016 được ký giữa ông Nguyễn Văn T và V thì ông T đã đồng ý bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh là Công ty TNHH MTV P trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của bên được bảo lãnh đối với Ngân hàng phát sinh từ hợp đồng tín dụng số SME/GLI/16/0029/HDTD ngày 01/4/2016 và hợp đồng tín dụng số SME/GLI/16/0012/HDTD ngày 23/2/2016. Nội dung và hình thức của các hợp đồng bảo lãnh trên đảm bảo quy định của pháp luật. Do vậy, ông Nguyễn Văn T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng đối với các khoản vay tại 02 hợp đồng tín dụng đã được bảo lãnh khi Công ty TNHH MTV P

không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, phù hợp với các quy định tại các Điều 335, 336, 339, 342 Bộ luật Dân sự.

[4]. Về tài sản thế chấp: Đã được các bên xử lý và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5]. Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 292, 293, 335, 336, 339, 340, 342, 357, 463, 466 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 90, 91, 95 và Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên P có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần V tổng số tiền nợ là: 999.685.467đ (*Chín trăm chín mươi chín triệu sáu trăm tám mươi lăm ngàn bốn trăm sáu mươi bảy đồng*). Trong đó, nợ gốc là 318.104.000 đ (*Ba trăm mười tám triệu một trăm lẻ bốn ngàn đồng*), nợ lãi là 681.581.467đ (*Sáu trăm tám mươi một triệu năm trăm tám mươi một ngàn bốn trăm tám mươi sáu mươi bảy đồng*).

“Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này”. (trường hợp trong Hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay) .

2. Trong trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên P không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì V có quyền yêu cầu ông Nguyễn Văn T phải thanh toán các khoản nợ của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên P tại V, theo Hợp đồng bảo lãnh số SME/GLI/16/0029/HDTD ngày 01/04/2016 và Hợp đồng bảo lãnh số 23022016/HĐBL ngày 23/02/2016 được ký giữa ông Nguyễn Văn T và V.

3. Về án phí:

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên P phải chịu toàn bộ tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 41.990.564đ (*Bốn mươi một triệu chín trăm chín mươi ngàn năm trăm sáu mươi bốn đồng*)[{ 36.000.000đ + (199.685.467đ x 3%)}] để sung vào công quỹ Nhà nước.

Hoàn trả Ngân hàng Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 19.656.000 đ (*Mười chín triệu sáu trăm năm mươi sáu ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0007765 ngày 25/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

5. “Trường hợp Bản, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chư Sê;
- Các đương sự;
- Thi hành án DS huyện Chư Sê;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Dậu